



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư 5412100009 ngày 13 tháng 2 năm 2008

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5403000048 ngày 29 tháng 3 năm 2007
1500482064 ngày 14 tháng 8 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1500482064 ngày 25 tháng 11 năm 2025. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Hải	Thành viên (từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Lâm Du An	Thành viên (đến ngày 21 tháng 4 năm 2025)
Ông Hà Đức Trung	Thành viên (từ ngày 8 tháng 4 năm 2025)
Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên (đến ngày 7 tháng 4 năm 2025)
Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Phong	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Trần Bá Mạnh	Trưởng ban (từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Bà Đinh Việt Anh	Trưởng ban (đến ngày 21 tháng 4 năm 2025)
Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Bảo Ngọc	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Duy Phong	Giám đốc
Ông Cao Phạm Trường	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký Số 11, Khóm Tân Vĩnh Thuận, Phường Tân Ngãi
Tỉnh Vĩnh Long
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Duy Phong
Giám đốc

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Phạm Thị Hồng Hạnh
Chủ tịch



Tỉnh Vĩnh Long, ngày 27 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các **Cổ đông** **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-01594-26-1



Nguyễn Hữu Ninh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0436-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		68.090.421.665	139.700.679.192
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.603.201.771	56.155.109.068
Tiền	111		2.603.201.771	5.155.109.068
Các khoản tương đương tiền	112		-	51.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.753.150.105	29.615.622.705
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	34.477.045.017	28.618.349.612
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		230.989.088	246.773.093
Phải thu ngắn hạn khác	136		45.116.000	750.500.000
Hàng tồn kho	140	7	30.493.429.789	53.836.197.419
Tài sản ngắn hạn khác	150		240.640.000	93.750.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		240.640.000	93.750.000
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 +260)	200		211.861.648.533	250.714.500.970
Các khoản phải thu dài hạn	210		15.000.000	17.025.000
Phải thu dài hạn khác	216		15.000.000	17.025.000
Tài sản cố định	220		205.883.794.748	247.798.122.642
Tài sản cố định hữu hình	221	8	205.883.794.748	247.798.122.642
Nguyên giá	222		726.175.309.506	724.048.721.216
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(520.291.514.758)	(476.250.598.574)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.712.291.614	1.203.019.993
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	3.712.291.614	1.203.019.993
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	1.500.000.000	1.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		750.562.171	196.333.335
Chi phí trả trước dài hạn	261		750.562.171	196.333.335
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		279.952.070.198	390.415.180.162

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		63.414.585.427	159.735.118.787
Nợ ngắn hạn	310		63.414.585.427	159.735.118.787
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	5.428.947.950	17.205.472.354
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.973.767.461	4.896.471.366
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12	41.101.349.743	76.685.485.985
Phải trả người lao động	314		6.067.430.192	7.408.154.712
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	761.270.041	326.964.330
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	461.250.000	3.392.000.000
Vay ngắn hạn	320	15	5.500.000.000	49.800.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	120.570.040	20.570.040
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		216.537.484.771	230.680.061.375
Vốn chủ sở hữu	410	17	216.537.484.771	230.680.061.375
Vốn cổ phần	411	18	150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	15.050.956.749	15.050.956.749
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.486.528.022	65.629.104.626
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		56.829.104.626	55.536.752.748
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(5.342.576.604)	10.092.351.878
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		279.952.070.198	390.415.180.162

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập: 
 Nguyễn Thị Cẩm Vân
 Kế toán

Người duyệt: 
 Nguyễn Văn Doanh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Duy Phong
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	352.930.883.937	561.161.108.091
Giá vốn hàng bán	11	23	344.661.544.402	527.478.011.481
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		8.269.339.535	33.683.096.610
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.215.687.696	1.169.545.686
Chi phí tài chính	22	25	973.023.084	1.288.597.952
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		967.931.287	1.281.553.697
Chi phí bán hàng	25	26	4.261.872.465	4.979.670.509
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	8.065.516.805	11.621.159.107
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(3.815.385.123)	16.963.214.728
Thu nhập khác	31		2.372.734.145	481.050.317
Chi phí khác	32	28	3.899.925.626	3.900.093.819
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.527.191.481)	(3.419.043.502)
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(5.342.576.604)	13.544.171.226
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	3.451.819.348
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(5.342.576.604)	10.092.351.878
(Lỗ)/lãi trên cổ phiếu				
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	(357)	673

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập:


Nguyễn Thị Cẩm Vân
Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Văn Doanh
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(5.342.576.604)	13.544.171.226
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	44.260.937.820	44.491.795.658
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.914.963	(644.341)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(988.446.577)	(966.261.058)
Chi phí lãi vay	06	967.931.287	1.281.553.697
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	38.902.760.889	58.350.615.182
Biến động các khoản phải thu	09	(5.755.693.312)	(18.748.930.031)
Biến động hàng tồn kho	10	23.342.767.630	14.254.629.904
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(45.694.660.451)	18.770.915.206
Biến động chi phí trả trước	12	(701.118.836)	(147.583.335)
		10.094.055.920	72.479.646.926
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.011.234.848)	(1.286.783.013)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.451.819.348)	(1.616.525.083)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.200.000.000)	(340.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.431.001.724	69.236.338.830
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(4.985.690.635)	(129.606.497)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	1.738.446.577	966.261.058
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.247.244.058)	836.654.561

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	325.775.280.097	466.800.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(370.075.280.097)	(495.500.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(10.430.750.000)	(14.791.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(54.730.750.000)	(43.491.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(53.546.992.334)	26.581.993.391
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	56.155.109.068	29.572.471.336
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61	(4.914.963)	644.341
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	2.603.201.771	56.155.109.068

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập:


 Nguyễn Thị Cẩm Vân
 Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Văn Doanh
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Duy Phong
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, rượu và nước giải khát; mua bán vật tư, nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát; kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn; và cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 95 nhân viên (1/1/2025: 103 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	5 năm

(g) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và tương đối chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(l) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(m) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(o) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 và doanh thu, chi phí trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng VND
2025			
Doanh thu	304.819.783.905	48.111.100.032	352.930.883.937
Giá vốn hàng bán	(307.887.644.747)	(36.773.899.655)	(344.661.544.402)
	(3.067.860.842)	11.337.200.377	8.269.339.535
2024			
Doanh thu	515.064.037.895	46.097.070.196	561.161.108.091
Giá vốn hàng bán	(494.005.358.712)	(33.472.652.769)	(527.478.011.481)
	21.058.679.183	12.624.417.427	33.683.096.610

Tài sản của Công ty đều nằm trong lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	1.820.500	50.118.000
Tiền gửi ngân hàng	2.601.381.271	5.104.991.068
Các khoản tương đương tiền	-	51.000.000.000
	2.603.201.771	56.155.109.068



6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn – một bên liên quan	34.403.865.430	28.379.820.142
Các khách hàng khác	73.179.587	238.529.470
	34.477.045.017	28.618.349.612

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	12.272.265.113	-	23.982.793.302	-
Công cụ và dụng cụ	137.236.647	-	148.516.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.186.556.885	-	14.986.987.688	-
Thành phẩm	7.897.371.144	-	14.717.900.429	-
	30.493.429.789	-	53.836.197.419	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	202,126,618,288	515,361,588,750	5,916,390,542	467,123,636	177,000,000	724,048,721,216
Tăng trong năm	-	2,338,225,926	-	-	-	2,338,225,926
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	8,384,000	-	-	-	8,384,000
Xóa sổ	-	(128,021,636)	-	(92,000,000)	-	(220,021,636)
Số dư cuối năm	202,126,618,288	517,580,177,040	5,916,390,542	375,123,636	177,000,000	726,175,309,506
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	109,676,047,615	360,026,679,781	5,903,747,542	467,123,636	177,000,000	476,250,598,574
Khấu hao trong năm	10,151,650,974	34,096,643,846	12,643,000	-	-	44,260,937,820
Xóa sổ	-	(128,021,636)	-	(92,000,000)	-	(220,021,636)
Số dư cuối năm	119,827,698,589	393,995,301,991	5,916,390,542	375,123,636	177,000,000	520,291,514,758
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	92,450,570,673	155,334,908,969	12,643,000	-	-	247,798,122,642
Số dư cuối năm	82,298,919,699	123,584,875,049	-	-	-	205,883,794,748

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 20.414 triệu VND (1/1/2025: 21.895 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 205.884 triệu VND (1/1/2025: 247.798 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	1.203.019.993	1.203.019.993
Tăng trong năm	2.772.520.621	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 8)	(8.384.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước	(254.865.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.712.291.614	1.203.019.993
Công trình chính trong dự án đang triển khai như sau:		
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Máy móc và thiết bị	3.712.291.614	1.203.019.993

10. Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2025 và 1/1/2025		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	150.000	25%	1.500.000.000	(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.720.753.603	10.101.178.680
Công ty TNHH Hai thành viên Thiên Nam Star	755.155.312	-
Công ty TNHH Chế biến Lương thực Trường Thắng	377.160.000	754.544.000
Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát Crown Đồng Nai	-	2.379.448.332
Các nhà cung cấp khác	1.575.879.035	3.970.301.342
	<u>5.428.947.950</u>	<u>17.205.472.354</u>

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.720.753.603	10.101.178.680

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 7 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

12. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cần trừ trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	65.397.175.455	290.234.159.566	(320.206.857.448)	35.424.477.573
Thuế giá trị gia tăng	7.560.741.188	59.192.603.662	(61.122.505.380)	5.630.839.470
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.451.819.348	-	(3.451.819.348)	-
Thuế thu nhập cá nhân	248.683.540	1.074.822.668	(1.291.048.808)	32.457.400
Thuế tài nguyên	27.066.454	477.605.011	(491.096.165)	13.575.300
	<u>76.685.485.985</u>	<u>350.979.190.907</u>	<u>(386.563.327.149)</u>	<u>41.101.349.743</u>



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Mua hàng nhưng chưa có hóa đơn	570.846.782	-
Chi phí lãi vay	22.649.315	65.952.876
Chi phí phải trả khác	167.773.944	261.011.454
	<hr/>	<hr/>
	761.270.041	326.964.330
	<hr/>	<hr/>

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức phải trả	71.250.000	3.002.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	390.000.000	390.000.000
	<hr/>	<hr/>
	461.250.000	3.392.000.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Vay ngắn hạn

	1/1/2025		Biến động trong năm		31/12/2025	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	49.800.000.000		325.775.280.097	(370.075.280.097)	5.500.000.000	

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	3,5% - 3,8%	5.500.000.000	49.800.000.000

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (“Vietinbank”) – Chi nhánh 4 có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình được hình thành từ khoản vay với giá trị ghi sổ thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 205.884 triệu VND (1/1/2025: 247.798 triệu VND) (Thuyết minh 8).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	20.570.040	160.570.040
Trích lập trong năm (Thuyết minh 17)	1.300.000.000	200.000.000
Sử dụng trong năm	(1.200.000.000)	(340.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	120.570.040	20.570.040



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	150.000.000.000	15.050.956.749	63.236.752.748	228.287.709.497
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	10.092.351.878	10.092.351.878
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	150.000.000.000	15.050.956.749	65.629.104.626	230.680.061.375
Lỗ thuần trong năm	-	-	(5.342.576.604)	(5.342.576.604)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	150.000.000.000	15.050.956.749	51.486.528.022	216.537.484.771

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

19. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 22 tháng 4 năm 2025 đã quyết định chia cổ tức cho cổ đông số tiền 7.500 triệu VND (tương đương 500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 (2024: 7.500 triệu VND (tương đương 500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2023).

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

3111
HI
NG
KF
PH

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.331.258.018	3.331.258.018
Từ hai đến năm năm	13.325.032.072	13.325.032.072
Sau năm năm	90.555.457.684	93.886.715.702
	<hr/>	<hr/>
	107.211.747.774	110.543.005.792
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	27.372	708.934.720	5.938,87	150.045.551
	<hr/>		<hr/>	

(c) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	Đơn vị	31/12/2025	1/1/2025
Nguyên vật liệu	kilogam	362.750	-
Vật liệu đóng gói	cái	4.881.230	-
		<hr/>	<hr/>

12-
 IÁI
 Y TI
 AG
 5 CT

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	348.117.205.290	553.860.707.938
▪ Bán phế liệu	3.290.037.332	6.348.878.615
▪ Doanh thu khác	1.523.641.315	951.521.538
	<hr/>	<hr/>
	352.930.883.937	561.161.108.091
	<hr/>	<hr/>

23. Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
Thành phẩm đã bán	344.661.544.402	527.478.011.481
	<hr/>	<hr/>

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Doanh thu từ tiền lãi	238.446.577	216.261.058
Cổ tức	750.000.000	750.000.000
Khác	227.241.119	203.284.628
	<hr/>	<hr/>
	1.215.687.696	1.169.545.686
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	967.931.287	1.281.553.697
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	176.834	7.044.255
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.914.963	-
	<hr/>	<hr/>
	973.023.084	1.288.597.952

26. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí hoa hồng	1.463.879.857	1.617.152.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.489.920.891	2.602.598.825
Chi phí bán hàng khác	308.071.717	759.919.014
	<hr/>	<hr/>
	4.261.872.465	4.979.670.509

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	4.238.704.677	6.541.384.278
Chi phí khấu hao	757.614.606	786.472.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.365.549	246.592.452
Chi phí quản lý khác	2.748.831.973	4.046.709.390
	<hr/>	<hr/>
	8.065.516.805	11.621.159.107

28. Chi phí khác

	2025 VND	2024 VND
Chi phí khấu hao máy móc tạm ngừng hoạt động	3.889.838.916	3.897.338.916
Khác	10.086.710	2.754.903
	<hr/>	<hr/>
	3.899.925.626	3.900.093.819



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	260.865.521.876	438.457.708.173
Chi phí nhân công và nhân viên	21.928.895.573	28.368.251.740
Chi phí khấu hao và phân bổ	44.260.937.820	44.491.795.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.372.330.758	24.095.964.869
Chi phí khác	4.028.537.062	6.605.366.257

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	-	3.451.819.348
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.451.819.348

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.342.576.604)	13.544.171.226
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(1.071.507.881)	2.708.834.245
Chi phí không được khấu trừ thuế	879.098.450	920.418.764
Các khoản chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	369.714.224	-
Thu nhập không bị tính thuế	(177.304.793)	(177.433.661)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.451.819.348

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Các khoản lỗ tính thuế sẽ hết hạn vào các năm sau:

Năm hết hạn	Tình trạng quyết toán	Số lỗ tính thuế	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận từ lỗ tính thuế
		VND	
2030	Chưa quyết toán	1.843.011.818	368.602.364

(d) Thuế suất áp dụng

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 54121000019 ngày 13 tháng 2 năm 2008. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập thông thường. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2014 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2017) theo Khoản 1, Điều 35 của Nghị định số 24/2207/NĐ-CP của Chính phủ.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

31. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu dựa trên số (lỗ)/lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) (Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025 VND	2024 VND
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong năm	(5.342.576.604)	10.092.351.878
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(5.342.576.604)	10.092.351.878

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 15.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Kho Vận Bia Sài Gòn – Vĩnh Long		
Bán hàng hóa	-	36.970.500
Bán khác	191.383.965	136.523.965
Cổ tức đã nhận	750.000.000	750.000.000
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	590.180.080.260	994.536.815.360
Bán khác	27.655.160	123.391.983
Mua nguyên vật liệu	213.368.799.947	380.757.859.384
Cổ tức đã trả	1.500.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua nguyên vật liệu	169.571.900	246.652.000
Mua tài sản cố định hữu hình	2.136.300.000	-
Chi phí bảo trì	259.270.000	40.788.000
Chi phí tư vấn	-	237.500.000
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải Khát Crown Đồng Nai		
Mua vật liệu bao bì	3.705.331.114	-
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải Khát Crown Vũng Tàu		
Mua vật liệu bao bì	6.820.667.663	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán khác	80.852.943	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Chủ tịch	192.000.000	280.800.000
Ông Nguyễn Văn Đồi – Thành viên	37.830.000	140.400.000
Ông Lâm Du An – Thành viên	43.290.000	140.400.000
Ông Phan Thanh Hải – Thành viên	66.400.000	-
Ông Phạm Hồng Minh – Thành viên	96.000.000	140.400.000
Ông Nguyễn Duy Phong – Thành viên	96.000.000	140.400.000
Ông Hà Đức Trung – Thành viên	70.133.333	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.116.000.000	2.503.610.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Thành viên Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Trần Bá Mạnh – Trưởng ban	66.400.000	-
Bà Đinh Việt Anh – Trưởng ban	34.800.000	96.000.000
Ông Phạm Đình Hùng – Thành viên	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Bảo Ngọc – Thành viên	48.000.000	48.000.000


33. Phí phải trả cho công ty kiểm toán


	2025 VND	2024 VND
Phí kiểm toán báo cáo tài chính	153.000.000	146.000.000



34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập: 
 Nguyễn Thị Cẩm Vân
 Kế toán

Người duyệt: 
 Nguyễn Văn Doanh
 Kế toán trưởng

 
 Nguyễn Duy Phong
 Giám đốc